

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN KẾT QUẢ HÒA GIẢI THÀNH TẠI TÒA ÁN**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ C, TỈNH BÌNH DƯƠNG

Căn cứ vào hồ sơ việc hôn nhân gia đình thụ lý số 56/2021/TLST-VHNGĐ ngày 23 tháng 02 năm 2021, giữa các bên:

Người yêu cầu giải quyết việc hôn nhân và gia đình:

- Chị Phan H, sinh năm 1987; địa chỉ nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Khu phố 2, phường Đ, thị xã C, tỉnh Bình Dương;

- Anh Nguyễn S, sinh năm 1980; địa chỉ nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Khu phố 2, phường Đ, thị xã C, tỉnh Bình Dương.

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải tại Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương lập vào ngày 27 tháng 01 năm 2021.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận giữa các bên được ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải tại Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Bình Dương lập vào ngày 27 tháng 01 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, không nhằm trốn tránh nghĩa vụ với Nhà nước hoặc cơ quan, tổ chức, cá nhân khác; các bên có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và các bên có yêu cầu Tòa án công nhận kết quả hòa giải thành.

Đã hết thời hạn quy định tại khoản 2 Điều 32 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án năm 2020;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 2 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35, điểm s khoản 2 Điều 39, các Điều 144, Điều 149 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 4 Điều 2, Điều 31, Điều 32, Điều 33, Điều 34, Điều 35 Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án năm 2020;

Căn cứ khoản 3 Điều 37 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận kết quả hòa giải thành tại Tòa án giữa chị Phan H và anh Nguyễn S như sau:

- Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Phan H và anh Nguyễn S.

- Về con chung: Giao các con chung tên Nguyễn L, sinh ngày 23/3/2016, Nguyễn N, sinh ngày 12/11/2006 và Nguyễn M, sinh ngày 12/11/2006 cho anh Nguyễn S tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Chị Phan H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn L mỗi tháng 2.000.000 (hai triệu đồng) cho đến khi cháu Nguyễn L đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 10/3/2021.

Anh Nguyễn S không yêu cầu chị Phan H cấp dưỡng nuôi các cháu Nguyễn N và Nguyễn M.

Chị Phan H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Kể từ khi Quyết định có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị Phan H, anh Nguyễn S không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Chị Phan H tự nguyện chịu toàn bộ lệ phí giải quyết việc hôn nhân gia đình là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào tiền tạm ứng lệ phí đã nộp tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số AA/2016/0054278 ngày 26/01/2005/02/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã C, tỉnh Bình Dương.

3. Quyết định công nhận kết quả hòa giải thành này có hiệu lực pháp luật và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và được thi hành theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã C;
- Chi cục THADS thị xã C;
- UBND xã K, huyện A, tỉnh Hà Tĩnh;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, VT.

THẨM PHÁN

Lê Cẩm Hằng